

Molagar (Pháp)

Dạng thuốc : 100ml nhũ tương cá :

Dầu vaselin	26,8g
Agar - agar (Gelose)	0,22g
Acid benzoic	0,20g

Chỉ định : Táo bón.

Liều dùng : Uống 1-3 thia canh vào buổi chiều trước khi ăn. Trẻ em uống 2-4 thia càfe/ngày.

Chống chỉ định : Hẹp ống tiêu hóa.

Lưu ý : Không dùng thuốc lâu dài. Có cảm giác đầy bụng.

Morphin

Morphinan-3,6-diol,7,8.-didehydro-4,5-epoxy -17-methyl-(5α-6x)

Dẫn xuất hydrochlorid :

Morphine (chlorhydrate de)

Morphin hydrochlorid

Morphinium chloratum

Dạng thuốc : Ống tiêm 1ml/0,01g (dạng hydrochlorid). Viên nén bọc 10mg (giải phóng chậm và kéo dài). Còn có các dạng viên 30-60 và 100mg.

Tác dụng : Là alkaloid chiết xuất từ qua thuốc phiện (Papaver somniferum). Giảm đau (tác dụng đến thần kinh trung ương) gây ngủ. Đề gây nghiện.

Chỉ định : Đau dữ dội mạn tính, đã dùng các thuốc giảm đau khác mà chưa khỏi, nhất là đau do ung thư, cơn đau sỏi mật hoặc sỏi thận, nhồi máu cơ tim, chuẩn bị gây mê.

Liều dùng : Người lớn : tiêm dưới da mỗi lần 1 ống. Liều tối đa cho người lớn 1 lần/0,02g, 24 giờ/0,05g. Trẻ em 3-15 tuổi, ngày tiêm từ 1/5 đến 1 ống. Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 10mg.

Chống chỉ định : Suy hô hấp, hội chứng đau bụng cấp mà chưa rõ nguyên nhân, suy gan nặng, chấn thương sọ não, và tăng huyết áp nội sọ, trạng thái kinh giật, nghiện rượu cấp và delirium tremens, trẻ em dưới 30 tháng. Dùng với IMAO.

Lưu ý : Thuốc gây nghiện có thể đưa đến tình trạng lệ thuộc thuốc về tâm sinh lý. Khi ngừng thuốc dần dần họe chứng cai nghiện. Thận trọng với người già, bệnh tuyền giáp, sỏi, bệnh đường tiết niệu, tuyền tiền liệt. Không dùng trong giải đoạn hai lúc trớ dạ (có từ cung mờ quá 4-5cm). Có thể bị buồn nôn, táo bón, chóng mặt, nhịp tim nhanh, hạ huyết áp, và dừng hoặc suy hô hấp vừa phải.

Tương tác : Không phối hợp với IMAO không chọn lọc : trụy mạch, tăng HA, hòn

mè, sốt cao. Với IMAO chọn lọc B : sốt cao, cứng cơ. Khuyên không dùng với alcohol (kè ca nước, thuốc có alcohol), cảnh giác nếu vận hành máy,...(do tăng tác dụng an thần). Cần thận khi dùng với các thuốc trầm cảm, các dẫn xuất morphin khác, một số thuốc trầm cảm, kháng dị ứng H1, thuốc an thần, barbituric, benzodiazepin, clonidin và chất cùng họ.

Hội chứng cai nghiện : ngáp, gián động túi, chảy nước mắt, chảy nước mũi, hắt hơi, cứng cơ, đau đầu, suy nhược, chảy鼻水, lo âu, cảm kinh, mất ngủ, khuỷu động, chán ăn, buồn nôn, nôn, sùi cán, ỉa chảy, mất nước, đau cơ, chuột rút, tim nhanh, thở gấp, tăng huyết áp, sốt cao, rời bỏ trong xương.

Quá liều : Suy hô hấp, tụt huyết áp, sốt cao, hôn mê, co động từ cực điểm.

Xử lý : Trở hô hấp, tim - dùng Lanorphin 5-10mg IV hoặc IM trong ca sốc, cứ 15 phút dùng 1 liều cho đến đủ 40mg. Naloxon 400mcg IV, tiêm nhắc lại trong 2-5 phút nếu cần.

Mucal (Pháp)

Dạng thuốc : Mỗi gói bột có : Aluminosilikat Mg, Na và Ca : 3g

Tác dụng : Che đỡ niêm mạc ống tiêu hóa, do có khả năng bao phủ.

Chỉ định : Viêm thực quản, thoát vị hoành, hôi lúu dạ dày- thực quản, loét dạ dày- tá tràng, viêm dạ dày, khó tiêu, nóng rát, ợ, chớ, khó chịu sau khi ăn, đầy hơi, bệnh ruột.

Liều dùng : Người lớn : uống 3 gói/ngày. Trẻ trên 30 tháng : 2 gói/ngày, chia nhiều lần. Hòa bột thuốc vào 1 ly nước rồi uống.

Lưu ý : Thận trọng với suy thận mạn tính tiến triển - Không dùng lâu dài và liều mạnh (theo dõi Al, Mg trong huyết tương) - Chung cho thuốc có Al, dùng lâu dài gây mất phosphor.

Mucinum (Pháp)

Dạng thuốc : Viên có :

Bột mật toàn phần	10mg
Bột belladon	15mg
Bột phan tá diệp	40mg
Phenolphthalein	75mg
Bột bourdain	30mg
Bột lá boldo	50mg
Nhựa scammonée	4mg
Bột tiêu hồi	30mg

Chỉ định : Trị táo bón, nhuận tràng